

Số: 2173/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng lưu vực thủy điện
Sơn Trà 1 thuộc các huyện Sơn Hà và Sơn Tây**

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

ĐẾN
Số: 1110.6
Ngày: 05/12/18
Chuyển:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 2284/QĐ-TTg ngày 13/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện phê duyệt đề án triển khai Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3640/TTr-SNNPTNT ngày 21/11/2018 về việc đề nghị phê duyệt Đề án chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng lưu vực thủy điện Sơn Trà 1 thuộc các huyện Sơn Hà và Sơn Tây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng lưu vực thủy điện Sơn Trà 1 thuộc các huyện Sơn Hà và Sơn Tây, với các nội dung sau:

1. Tên đề án: Đề án chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng lưu vực thủy điện Sơn Trà 1, thuộc các huyện Sơn Hà và Sơn Tây.
2. Cơ quan Quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Ngãi.
3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi.
4. Cơ quan thực hiện: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi.
5. Địa điểm lập Đề án: Thực hiện trên địa bàn các xã Sơn Long, Sơn Lập - huyện Sơn Tây và xã Sơn Kỳ - huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.
6. Qui mô Đề án: Tổng diện tích tự nhiên toàn lưu vực thủy điện Sơn Trà 1: 5.267,49 ha.
7. Mục tiêu của Đề án:

Áp dụng vào thực tế chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của mọi tổ chức, cá nhân đối với sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng; huy động các nguồn lực của xã hội để bảo vệ và phát triển rừng; đảm bảo cho người lao động trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất, bảo vệ phát triển rừng được chi trả giá trị của rừng do mình tạo ra, đúng giá trị của rừng đem lại cho xã hội; nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng cho các chủ rừng, góp phần thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp.

8. Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn thu chi trả ủy thác tiền dịch vụ môi trường rừng của lưu vực thủy điện Sơn Trà 1.

9. Thời gian thực hiện đề án: Bắt đầu từ năm 2019.

10. Kết quả xác định diện tích lưu vực:

Tổng diện tích tự nhiên toàn lưu vực: 5.267,49 ha, gồm:

a) Diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp: 4.311,87 ha, trong đó:

- Diện tích đất có rừng: 3.629,14 ha

- Diện tích đất chưa có rừng: 682,73 ha

b) Diện tích đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp: 955,62 ha; trong đó:

- Diện tích đất có rừng: 310,64 ha, gồm:

- Diện tích đất chưa có rừng và đất khác: 644,98 ha.

11. Kết quả xác định diện tích đất có rừng nằm trong quy hoạch lâm nghiệp đủ điều kiện tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng

Tổng diện tích rừng nằm trong quy hoạch lâm nghiệp đủ điều kiện tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng được xác định là: 3.566,46 ha, trong đó:

a) Diện tích rừng thuộc Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Sơn Tây quản lý là: 1.044,04 ha, gồm:

- Diện tích rừng tự nhiên phòng hộ: 1.005,56 ha

- Diện tích rừng trồng phòng hộ: 38,48 ha

b) Diện tích rừng thuộc Ban Quản lý rừng phòng hộ Đầu nguồn Thạch Nham quản lý là: 2.277,61 ha, gồm:

- Diện tích rừng tự nhiên phòng hộ: 2.249,05 ha

- Diện tích rừng trồng phòng hộ: 12,58 ha

- Diện tích rừng tự nhiên sản xuất: 15,98 ha

c) Diện tích rừng thuộc UBND xã quản lý: 54,71 ha, gồm:

- UBND xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây: 52,61 ha (rừng tự nhiên sản xuất)

- UBND xã Sơn Long, huyện Sơn Tây: 2,1 ha (rừng tự nhiên sản xuất)

d) Diện tích rừng thuộc hộ gia đình, cá nhân quản lý là: 13,94 ha, gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc xã Sơn Lập: 8,88 ha (rừng tự nhiên sản xuất)

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc xã Sơn Long: 5,06 ha (rừng trồng sản xuất)

đ) Diện tích rừng do Cộng đồng dân cư thôn quản lý: 176,16 ha, gồm:

- Diện tích rừng tự nhiên sản xuất: 175,90 ha

- Diện tích rừng trồng sản xuất: 0,26 ha

12. Kết quả xác định hệ số chi trả (hệ số K):

a) Đối với rừng tự nhiên, mục đích sử dụng là phòng hộ thuộc khu vực

III:

- Hệ số K = 0,95 (trạng thái rừng giàu)

- Hệ số K = 0,90 (trạng thái rừng trung bình)

- Hệ số K = 0,86 (trạng thái rừng nghèo và rừng phục hồi)

b) Đối với rừng tự nhiên, mục đích sử dụng là phòng hộ thuộc khu vực

II:

- Hệ số K = 0,90 (trạng thái rừng giàu)

- Hệ số K = 0,86 (trạng thái rừng trung bình)

- Hệ số K = 0,81 (trạng thái rừng nghèo và rừng phục hồi)

c) Đối với rừng trồng, mục đích sử dụng là phòng hộ thuộc khu vực III:

- Hệ số K = 0,81 (rừng trung bình, trữ lượng cây đứng từ 100 đến 200 m³/ha)

d) Đối với rừng tự nhiên, mục đích sử dụng là sản xuất thuộc khu vực

III:

- Hệ số K = 0,90 (trạng thái rừng giàu)

- Hệ số K = 0,86 (trạng thái rừng trung bình)

- Hệ số K = 0,81 (trạng thái rừng nghèo và rừng phục hồi)

đ) Đối với rừng trồng, mục đích sử dụng là sản xuất thuộc khu vực III:

- Hệ số K = 0,73 (trạng thái rừng nghèo)

13. Kết quả xác định đơn giá chi trả bình quân cho 01 ha rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng tại lưu vực thủy điện Sơn Trà 1: 248.497 đồng/ha/năm.

(Chi tiết diện tích, loại rừng, hệ số K, mức chi trả bình quân áp dụng cho 01 ha rừng của từng chủ rừng theo phụ lục kèm theo)

14. Giải pháp thực hiện đề án: Thực hiện theo hồ sơ Đề án chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng lưu vực thủy điện Sơn Trà 1, thuộc các huyện Sơn Hà và Sơn Tây đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

1. Tổ chức công bố Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng lưu vực thủy điện Sơn Trà 1 theo đúng qui định.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện: Sơn Tây, Sơn Hà triển khai thực hiện Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng lưu vực thủy điện Sơn Trà 1 theo đúng qui định của pháp luật hiện hành.

3. Chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi

a) Lập kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng cụ thể hàng năm, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt, làm cơ sở triển khai thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Chi cục Kiểm lâm tỉnh, chủ rừng là tổ chức xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng cho chủ rừng là tổ chức.

c) Chủ trì, phối hợp với Hạt Kiểm lâm các huyện được giao nhiệm vụ làm đầu mối để xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư.

d) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với Chi cục Kiểm lâm tỉnh, Hạt Kiểm lâm các huyện xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên cơ sở cập nhật bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng từ kết quả theo dõi diễn biến rừng. Trường hợp chưa có kết quả theo dõi diễn biến rừng cả năm thì sử dụng số liệu, bản đồ được cập nhật đến hết quý III của năm đó.

4. Chi cục Kiểm lâm tỉnh phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng là tổ chức; xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường của các chủ rừng là tổ chức; kiểm tra, đối chiếu kết quả diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng hàng năm làm cơ sở chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng.

5. Hạt Kiểm lâm các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây phối hợp với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường và thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, UBND xã, các tổ chức chính trị - xã hội được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện Sơn Hà, Sơn Tây; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh; Giám đốc các Ban Quản lý rừng phòng hộ: Sơn Tây, Đầu nguồn Thạch Nham; Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam;
- VPUB: PCVP(NL), CN-XD, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak1045

KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tăng Bình

